

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36 /2021/HS-ST  
Ngày: 14 – 6 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Nghi

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Thư

Ông Trịnh Tiến Thanh

***-Thư ký phiên toà:*** Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

***-Đại diện VKSND huyện H, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:*** Bà Mai Thị Hồng  
- Kiểm sát viên.

Ngày 14/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/HSST ngày 19 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1.Họ và tên: **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1999, tại xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ĐKNKTT: Thôn P, xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Ngọc T, con bà: Nguyễn Thị Đ; chưa có vợ và con; tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/10/2020 đến 08/02/2021 được thay thế biện pháp bảo lãnh (có mặt).

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1999, tại thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ĐKNKTT: Khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Xuân L, con bà: Hoàng Thị L; chưa có vợ và con; tiền sự: Không; tiền án: Không;

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

3. Họ và tên: **Nguyễn Thanh B**, sinh năm 1999, tại thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ĐKNKTT: Khu Tr, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Văn Q, con bà: Vũ Thị H; chưa có vợ và con; tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

4. Họ và tên: **Nguyễn Trọng U**, sinh năm 1986, tại xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ĐKNKTT: Thôn C, xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Trọng Đ, con bà: Lê Thị Y; có vợ và 04 con; tiền sự: Không; tiền án: Không;

Nhân thân: Năm 2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Th xử phạt 04 năm tù về tội, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Năm 2017, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa 06 tháng 12 ngày tù về tội Đánh bạc (ngày 05/4/2017 đến 17/10/2017 chấp hành xong).

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

*-Bị hại:*

- Anh Lưu Đức A - sinh năm 1992 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn Tr, xã M, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Hoàng Văn Th - sinh năm 1993; (vắng mặt)

Trú tại: Khu Tr, Thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

*-Người làm chứng:*

1. Nguyễn Đình T - sinh năm 1992; (vắng mặt)

Trú tại: Thôn X, xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Lưu Xuân H - sinh năm 2001; (vắng mặt)

Trú tại: Thôn Tr, xã M, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

3. Nguyễn Trọng H - sinh năm 1990; (vắng mặt)

Trú tại: Thôn B, xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

4. Nguyễn Văn T (T. Mắm) - sinh năm 1997; (vắng mặt)

Trú tại: Thôn P, xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

5. Hoàng Duy D - sinh năm 1998; (vắng mặt)

Trú tại: Thôn Đ, xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

6. Nguyễn Đăng T - sinh năm 1993; (vắng mặt)

Trú tại: Thôn B, xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

7. Đỗ Văn Đ - sinh năm 1986; (vắng mặt)

Trú tại: Xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

8. Trương Đình H - sinh năm 1990; (vắng mặt)

Trú tại: Khu Tr, Thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

9. Vũ Văn N - sinh năm 1997; (vắng mặt)

Trú tại: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22h ngày 15/9/2020, Nguyễn Ngọc T đang làm ở quán karaoke Lavender của Nguyễn Đình T, sinh năm 1992, ở thôn X, xã X, huyện H, thì bạn thân là Nguyễn Văn L, ở khu T, Thị trấn H và Nguyễn Thanh B, ở khu Tr, thị trấn H đến chơi, cả ba người ngồi nói chuyện uống nước với nhau. Đến khoảng 01h sáng ngày 16/9/2020, T, B và L rủ nhau đi ăn đêm tại quán Thái Tâm của anh Hoàng Văn Th, ở khu Tr, thị trấn H. Tại quán ăn có rất nhiều thanh niên đang ăn, uống. Trong đó, bàn kê ở ngoài sân bên góc tay phải theo hướng từ ngoài cổng đi vào có Nguyễn Đình T (Chủ quán karaoke Lavender; Nguyễn Trọng U, ở thôn C, xã C; Đỗ Văn Đ, ở xã T; Nguyễn Trọng H, ở thôn B, xã X; Nguyễn Văn T (T. Mắm), ở thôn Ph, xã X; H Duy D, ở thôn Đ, xã X và Nguyễn Đăng T, ở thôn B, xã X và hai nhân viên nữ đi cùng Nguyễn Trọng U. Tại bàn kê ở giữa sân nhìn từ cổng quán vào có Lưu Đức A (tức A. Gà), sinh năm 1992 và em trai là Lưu Xuân H, sinh năm 2001 cùng ở thôn Tr, xã M; Đình Trọng H, sinh năm 2005 ở thôn K, xã L và Vũ Văn N, sinh năm 1997 ở thôn C, xã H, huyện H (là nhân viên quán karaoke Newlife). Ngoài ra, còn có một số người khác đang ăn và uống bia ở quầy bán hàng khu nhà ăn của quán.

Khi đi đến quán Thái Tâm, B nhìn thấy bạn của mình là L đang uống bia nên đi đến chúc, còn T và L đến bàn của Nguyễn Đình T đang ngồi uống bia nói chuyện. Nguyễn Đình T nói với T “ Đi sang bàn Lưu Đức A (A. Gà) nói chuyện làm ăn”. Uống xong cốc bia, T cùng L và B đi đến bàn của anh Lưu Đức A nói chuyện và uống

bia với nhau. Trong lúc uống bia, T nhớ đến chuyện mâu thuẫn trước đây giữa T với Đức A ở quán Newlife do giành địa điểm đưa nhân viên nữ phục vụ khách hát, nên T hỏi Đức A “Mày có thích làm ở Newlife nữa không” (Ý nói Lưu Đức A không được đưa nhân viên nữ đến phục vụ phòng hát tại quán Newlife), đồng thời đứng dậy cầm cốc bia hất vào mặt Đức A. B cũng đứng dậy dùng tay túm cổ áo và đẩy Đức A về phía cổng ngõ còn tay kia tay đấm liên tiếp nhiều cái vào đầu và mặt. T cũng đi lại dùng tay đấm nhiều cái vào mặt Lưu Đức A, còn L lấy điều cày đang để chân bàn, chiếc điều cày được làm bằng vật liệu cây nứa, bọc trang trí bằng kim loại màu trắng, dài 55cm, đường kính 05cm, cầm vút nhiều cái vào vai và đầu của Đức A, rồi L vút điều cày xuống sân. Thấy đánh nhau, Nguyễn Trọng U từ bàn của Nguyễn Đình T đi lại nhưng bị đánh phía sau nên bực lên dùng tay đấm nhiều cái vào vùng mặt và ngực của Đức A. Bị đánh đau, anh Đức A nằm xuống sân thì bị Nguyễn Trọng U tiếp tục dùng chân đá vào vùng đầu và bụng.

Lúc này thấy anh trai của mình bị đánh nên Lưu Xuân H dùng cốc uống bia bằng thủy tinh đập 01 cái vào phía sau đầu của Nguyễn Văn T sau đó đập cốc xuống sân. T quay người lại, dùng tay trái ôm ghì cổ anh H, tay phải đấm 03 đến 04 cái vào đầu và vai, Nguyễn Văn T (T. Mắm) cũng xông vào dùng tay, chân đấm, đá liên tiếp vào mặt và bụng của H. T nhìn thấy chiếc điều cày mà L dùng để đánh Đức A đang dưới sân, T nhặt lên đánh 03 đến 04 cái vào vai và lưng của H rồi vút điều cày xuống sân. Nguyễn Văn T (T. Mắm) cũng xông vào dùng tay đấm 02 cái vào vùng bụng của H thì được anh Vũ Văn N can ngăn nên T và T (T.Mắm) dừng lại. Nguyễn Đăng T đi đến dùng tay, chân đấm, đá liên tiếp nhiều cái vào vùng mặt và bụng của anh H. Nhìn thấy các bạn mình đang đánh H, Hoàng Duy D nhặt chiếc điều cày mà T vừa vút xuống sân, vút 01 cái trúng vào lưng của anh H thì anh Hoàng Văn Th là chủ quán đến can ngăn và giật chiếc điều cày trên tay D mang đi cất nên vụ việc đánh nhau được dừng lại. Sau khi bị đánh, Lưu Đức A và Lưu Xuân H được mọi người đưa đến Bệnh viện Đa khoa huyện H khám, sau đó Lưu Đức A được chuyển đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa điều trị từ ngày 16/9/2020 đến ngày 24/9/2020 ra viện và được chỉ định tái khám lại sau 01 tháng.

\* Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể của Lưu Đức A được lập vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 17/9/2020 tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa thể hiện:

- 01 vết thương vùng đỉnh cằm phải, kích thước 0,5 x 01cm;
- Sưng nề vùng đỉnh cằm;
- Sóng mũi sưng phù nề, không chảy máu;

\* Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể của Lưu Xuân H, lập IUc 07 giờ 30 phút ngày 16/9/2020 tại Bệnh viện Đa khoa huyện H thể hiện:

- 01 vết trầy xước da tại vị trí dưới mắt phải, kích thước 01 x 01cm;

- 01 vết bầm tím tại vị trí trên đầu lông mày trái khoảng 02 cm, kích thước 01 x 01cm;

- Tại vị trí sau mang tai phải bị sưng, không bầm tím, kích thước 03 x 02cm;

- 01 vết trầy xước da tại vị trí bả vai trái, kích thước 03 x 0,5cm.

Ngày 18/9/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện H ra Quyết định số 112 và 114/QĐ-ĐTTH, trưng cầu Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa, giám định về tình trạng tổn hại phần trăm sức khỏe do thương tích gây nên đối với Lưu Đức A và Lưu Xuân H.

\* Tại bản Kết luận giám định Pháp y về thương tích đối với Lưu Đức A, số 721/2020/TTPY ngày 25/9/2020 của Trung tâm pháp y Thanh Hóa, kết luận:

- Chấn thương, vết thương vùng đỉnh cằm phải gây lún xương hộp sọ vùng đỉnh phải; đã được điều trị; hiện tại còn di chứng hình ảnh lún cả hai bán xương hộp sọ đỉnh phải, kích thước đường lún khoảng 25mm, điện não không có ổ tổn thương tương ứng: 21% (*Thông tư 22/2019/TT-BYT; Bảng 1; chương 1; mục I; 4.4*).

- Sẹo vết thương phần mềm vùng đỉnh cằm phải; kích thước sẹo nhỏ: 01% (*Theo nguyên tắc tính tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm; Thông tư 22/2019/TT-BYT; Bảng 1; chương 8; mục I; 1*).

- Các chấn thương, vết thương phần mềm khác đã được điều trị. Hiện tại không để lại sẹo vết thương phần mềm, không có di chứng tổn thương chức năng do chấn thương: 0% (Không phần trăm).

Tại thời điểm giám định Pháp y về thương tích: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Lưu Đức A được tính theo phương pháp xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể (*Điều 4 - Thông tư 22/2019/TT-BYT* ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế) là 22% (Hai mươi hai phần trăm).

\* Tại bản Kết luận giám định Pháp y về thương tích đối với Lưu Xuân H, số 719/2020/TTPY ngày 25/9/2020 của Trung tâm pháp y Thanh Hóa, kết luận:

- Chấn thương, vết thương vùng dưới mắt phải gây chấn thương mắt phải làm tổn thương nhãn cầu phải; đã được điều trị; hiện tại còn di chứng thị lực mắt phải giảm bằng 5/10 do chấn thương (trong khi thị lực mắt trái bằng 8/10 tại thời điểm giám định Pháp y về thương tích): 8% (*Thông tư 22/2019/TT-BYT; Bảng 1; chương 10; mục XV; bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do giảm thị lực vì tổn thương thực thể cơ quan thị giác*).

- Sẹo vết thương phần mềm vùng mặt ngang mức gò má bờ dưới mi mắt phải; kích thước sẹo nhỏ: 3% (*Theo nguyên tắc tính tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm; Thông tư 22/2019/TT-BYT; Bảng 1; chương 8; mục I; 1*).

- Vết biến đổi rối loạn sắc tố da vùng trán phía trên đầu ngoài cung lông mày trái: 01% (*Thông tư 22/2019/TT-BYT; Bảng 1; chương 8; mục V*).

- Sẹo vết thương phần mềm vùng bả vai trái sát với cột sống ngực; kích thước sẹo nhỏ: 01% (*Theo nguyên tắc tính tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm; Thông tư 22/2019/TT-BYT; Bảng 1; chương 8; mục I; 1*).

- Các chấn thương, vết thương phần mềm khác đã được điều trị; hiện tại không để lại sẹo vết thương phần mềm, không có di chứng tổn thương chức năng do chấn thương: 0% (Không phần trăm).

Tại thời điểm giám định Pháp y về thương tích: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Lưu Xuân H được tính theo phương pháp xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể (*Điều 4 - Thông tư 22/2019/TT-BYT* ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế) là 13% (Mười ba phần trăm).

Đối với Lưu Đức A, sau khi điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa, đến ngày 24/9/2020 được ra viện về nhà nhưng anh vẫn thấy mũi bị đau nên ngày 27/9/2020, Lưu Đức A tiếp tục đến Bệnh viện Đa khoa Hợp Lực Thanh Hóa, điều trị do bị gãy xương chính mũi và thành hốc mũi, đến ngày 03/10/2020 ra viện. Ngày 30/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã ra Quyết định trưng cầu Trung tâm giám định Pháp y Thanh Hóa, giám định bổ sung tình trạng tổn hại phần trăm sức khỏe do thương tích ở mũi gây nên đối với Anh Lưu Đức A nhưng Lưu Đức A từ chối giám định.

Căn cứ kết quả giám định, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã thông báo cho các bị cáo và người bị hại biết. Bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Văn L, Nguyễn Trọng U và người bị hại đồng ý với kết luận giám định của Lưu Đức A. Riêng đối với Nguyễn Văn T, Nguyễn Đăng T và H Duy D không đồng ý với kết quả giám định phần trăm thương tích đối với anh Lưu Xuân H và có đơn đề nghị được đi giám định lại.

Ngày 04/02/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định lại lần thứ nhất số: 01/QĐ-ĐTTH, trưng cầu Trung tâm giám định Pháp y Thanh Hóa giám định lại mức độ tổn hại phần trăm sức khỏe do thương tích gây nên đối với anh Lưu Xuân H.

Tại Bản kết luận giám định Pháp y lại lần thứ nhất về thương tích số 06/2021/TTPY-GDL ngày 05/02/2021 của Trung tâm giám định Pháp y Thanh Hóa kết luận:

- Sẹo vết thương phần mềm vùng bả vai trái sát với cột sống ngực; kích thước sẹo nhỏ: 01% (*Theo nguyên tắc tính tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm; Thông tư 22/2019/TT-BYT; Bảng 1; chương 8; mục I; 1*).

- Các chấn thương, vết thương phần mềm khác đã được điều trị; hiện tại không để lại sẹo vết thương phần mềm, không có di chứng tổn thương chức năng do chấn thương: 0% (Không phần trăm).

Tại thời điểm giám định Pháp y lần thứ nhất về thương tích: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Lưu Xuân H được tính theo phương pháp xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể (*Điều 4 - Thông tư 22/2019/TT-BYT* ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế) là 01% (Một phần trăm).

Sau khi có kết quả giám định lại tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 01% (*Một phần trăm*), ngày 19/02/2020, người bị hại Lưu Xuân H đã có đơn rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với mình và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn T, Nguyễn Đăng T và H Duy D. việc rút đơn là tự nguyện, không bị ai ép buộc, cưỡng bức. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định đình chỉ điều tra đối với bị can Nguyễn Văn T, Nguyễn Đăng T và H Duy D về hành vi Cố ý gây thương tích đối với anh Lưu Xuân H.

- Về vật chứng của vụ án được thu giữ: 01 chiếc điều cày được bọc trang trí bằng kim loại màu trắng, chiều dài thân điều 55cm, đường kính khoảng 05cm, chân điều bằng nhựa bị gãy  $\frac{1}{2}$  phía bên phải, tại vị trí cách nỏ điều 05cm bị lún bên trái mặt ngoài điều; 01 cốc thủy tinh có chiều cao 15cm, đường kính 10cm, cốc bị vỡ phần trên, đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện H thu giữ, hiện đang bảo quản tại Thi hành án dân sự chờ xử lý.

- Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Văn L, Nguyễn Trọng U, Nguyễn Văn T, Nguyễn Đăng T và H Duy D, đã xin lỗi gia đình bị hại và thương thảo tự nguyện bồi thường T bộ các chi phí thiệt hại điều trị chung cho Anh Lưu Đức A và Lưu Xuân H. Tổng số tiền là 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*). Sau khi thỏa thuận bồi thường, anh Lưu Đức A và anh Lưu Xuân H không yêu cầu những người gây ra thiệt hại phải bồi thường thêm bất cứ khoản tiền nào khác, đồng thời có đơn đề nghị xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T, B, L và U.

Sau khi có kết quả giám định lại tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 01% (*Một phần trăm*), ngày 19/02/2020, anh H đã có đơn rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự đối với các bị can Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Đăng T và H Duy D. Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện H đã làm việc và giải thích quyền lợi và nghĩa vụ cho anh H trong việc rút đơn yêu cầu khởi tố nhưng anh H khẳng định việc rút đơn là tự nguyện, không bị ai ép buộc, cưỡng bức. Vì vậy, ngày 28/3/2021, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can Nguyễn Văn T, Nguyễn Đăng T và H Duy D về hành vi cố ý gây thương tích đối với anh Lưu Xuân H.

Tại bản Cáo trạng số: 27/CT – VKS HL ngày 16 tháng 4 năm 2021, của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thanh B và Nguyễn Trọng U, về tội “ Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2, Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thanh B và Nguyễn Trọng U, phạm tội “ Cố ý gây thương tích”

Về căn cứ áp dụng hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2, Điều 134; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị tuyên phạt:

Bị cáo Nguyễn Ngọc T, mức án từ 30 đến 36 tháng tù, Bị cáo Nguyễn Văn L, mức án từ 30 đến 36 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thanh B, mức án từ 24 đến 30 tháng tù; bị cáo Nguyễn Trọng U, mức án từ 24 đến 30 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc T cho Ủy ban nhân dân xã X, Nguyễn Văn L và Nguyễn Thanh B cho Ủy ban nhân dân thị trấn huyện H, Nguyễn Trọng U cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường số tiền 120.000.000đ, ngoài số tiền đã nhận thì không có yêu cầu gì khác. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét thêm. Bị cáo T và bị cáo U đã tự nguyện bồi thường, khắc phục thiệt hại cho gia đình anh Th số tiền tài sản bị thiệt hại trị giá 535.000đ nên không xem xét thêm.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS, điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 điều cày, 01 cốc thủy tinh là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng đang được thu giữ và bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị Quyết số: 326/2016/NQUBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải chịu án hình sự theo quy định của pháp luật.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, tạo điều kiện cho các bị cáo cải tạo tại địa phương để hưởng lương khoan hồng của pháp luật. Ngoài ra không có ý kiến khác.

Các bị cáo không có ý kiến đề nghị tranh luận bổ sung gì về tội danh và về mức hình phạt.



## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình phân công nhiệm vụ giải quyết vụ án, đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, tiến hành các hoạt động điều tra, truy tố đúng thời hạn theo quy định Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra anh Lưu Xuân H là người bị thương tích theo khoản 1 Điều 134 của BLHS đã rút yêu cầu khởi tố vụ án đối với các bị can, việc rút đơn là tự nguyện không bị ép buộc nên Cơ quan điều tra đình chỉ đối với các bị can khác là đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng khác của Điều tra viên, Kiểm sát viên không bị khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng.

[2]. Về căn cứ xác định hành vi phạm tội: Do mâu thuẫn từ trước giữa bị cáo T và Lưu Đức A, nên khi gặp nhau tại quán ăn đêm nhà anh Hoàng Văn Th nhóm của T gồm B, L ngồi uống bia cùng nhóm của Lưu Đức A nhưng vẫn xảy ra đôi co chuyện làm ăn. Các bị cáo B và U thừa nhận hành vi dùng tay, chân đấm, đá Lưu Đức A, còn L và T thừa nhận hành vi dùng tay và dùng điều cày hút thuốc Lào đánh vào vùng vai, đầu của bị hại, khi được chủ quán can ngăn thì việc xô sát được dừng lại không tiếp diễn xảy ra. Nhận thấy, lời khai của các bị cáo không mâu thuẫn với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp vật chứng thu giữ, biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của người làm chứng, kết luận giám định Pháp y về thương tích của bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập theo trình tự luật định. Do đó đủ cơ sở khẳng định, hành vi gây thương tích của các bị cáo tuy không có sự bàn bạc, không có sự chuẩn trước bị về hung khí, không phải mục đích sang chúc bia để đánh nhau. Các bị cáo có hành vi tấn công liên tiếp nhưng chủ yếu chỉ bằng tay, chân, khi có sự can ngăn thì dừng lại nên không áp dụng trách nhiệm hình sự với tình tiết có tính chất côn đồ là có cơ sở. Hậu quả thương tích 22% của người bị hại là do Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thanh B và Nguyễn Trọng U đồng phạm gây nên. Hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2, Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Tính chất vụ án: Trong vụ án này, bị cáo và người bị hại có mâu thuẫn với nhau trong việc đưa đón nhân viên quán hát không đúng địa bàn, nên khi gặp nhau tại quán ăn đêm, nhóm của T cùng B và L đi lại bàn nhóm của bị hại ngồi cùng bàn chúc nhau uống bia, trong lúc chúc với nhau nhiều cốc bia thì T mới nhớ lại mâu thuẫn với Lưu Đức A trước đó. Thương tích 22% của Lưu Đức A chủ yếu là do bị cáo L gây nên. Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm

cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự và an toàn xã hội. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thấy: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 51 của BLHS.

[4.1]. Về tình tiết giảm nhẹ TNHS; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường tiền thuốc và các chi phí thiệt hại khác, trong đó bị cáo T và U đã tự nguyện khắc phục hậu quả do thiệt hại tại quán một điều cày và cốc thủy tinh là tài sản cho anh Th; Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương. Bị cáo T có thân nhân là người có công, bị cáo U có đơn xin xác nhận gia đình hoàn cảnh khó khăn do vợ thường xuyên ốm đau và có ba con nhỏ, bị cáo xin được cải tạo tại địa phương, được chính quyền địa phương xác nhận. Đây là những tình tiết giảm nhẹ TNHS, theo khoản 2 Điều 51 của BLHS. Do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, để cân nhắc khi lượng hình đối với các bị cáo. Ngoài ra không còn căn cứ xem xét tình tiết giảm nhẹ nào khác.

[5] Xét tính chất, mức độ phạm tội và vai trò đồng phạm thấy: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, không người chủ mưu, cầm đầu, ngoan cố chống đối, không có sự bàn bạc, phân công để thực hiện hành vi phạm tội, việc thực hiện hành vi phạm tội chỉ vì bị cáo T có mâu thuẫn trước đó với bị hại và xảy ra trong lúc ngồi uống bia cùng, nên khi thấy T cãi vã và hất bia vào mặt Lưu Đức A thì các bị cáo khác là bạn của T có hành vi dùng tay, chân, đấm, đá và lấy điều cày để gây thương tích. Hậu quả thương tích của người bị hại 22% thì các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự chung với vai trò đồng phạm. Trong vụ án này, bị cáo T là người có vai trò khởi sự nên phải chịu mức hình phạt cao nhất. Bị cáo B và L có vai trò giúp sức tích cực nhưng tính chất, mức độ, hậu quả gây ra thì thương tích chủ yếu do bị cáo L dùng hung khí tấn công gây ra, nên bị cáo L cần được áp dụng mức án tương xứng như bị cáo T; còn bị cáo B và bị cáo U có thể áp dụng mức án thấp hơn nhưng không đáng kể. Tuy nhiên, bị cáo U là người bị người khác đánh phía sau nên mới dùng tay, chân tấn công lại Lưu Đức A, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có vai trò thứ yếu và không đáng kể nhưng có nhân thân không tốt, nên mức hình phạt như Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[6]. Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy: Các bị cáo T, L, B không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt. Bị cáo Nguyễn Trọng U đã bị kết án

nhưng đã chấp hành xong toàn bộ bản án, tính đến ngày phạm tội này đã được xóa án tích theo Điều 70 của BLHS. Các bị cáo được áp dụng chung nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS và không có tình tiết tăng nặng theo Điều 52 BLHS, đều có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo tại địa phương, bị cáo U được chính quyền địa phương xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn và tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo tại địa phương, nên có đủ điều kiện được hưởng án treo. Việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo theo khoản 1, khoản 2 Điều 65 của BLHS cũng đảm bảo trong công tác đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

[7]. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại nhận thấy: Các bị cáo và người bị hại đã tự thỏa thuận bồi thường toàn bộ chi phí thiệt hại. Việc thỏa thuận bồi thường thiệt hại số tiền 120.000.000đ là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội, người bị hại vắng mặt cũng không có ý kiến đề nghị khác ngoài mức tiền đã nhận bồi thường, nên về phần bồi thường thiệt hại không xem xét thêm. Đối với anh Hoàng Văn Th, bị thiệt hại 01 cốc thủy tinh, 01 điều cày nhưng đã được bị cáo T và bị cáo U tự nguyện khắc phục hậu quả, các bên có văn bản xác nhận đã nhận bồi thường nên không xem xét thêm.

[8]. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 47 của BLHS, khoản 2 Điều 106 của BLTTHS, cần tịch thu, tiêu hủy vật chứng vụ án gồm 01 điều cày, 01 cốc vỡ, được mô tả đặc điểm, theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 20/4/2021, đang được lưu kho vật chứng tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện H

[9]. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ điểm đ, khoản 2, Điều 134; điểm b điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 50, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Văn L và Nguyễn Trọng U phạm tội “ Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc T 36 (ba mươi sáu) tháng tù; Nguyễn Văn L 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm (năm

năm) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B 30 (ba mươi) tháng tù; Nguyễn Trọng U 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm (năm năm) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc T cho chính quyền địa phương xã X, Bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Thanh B cho Ủy ban nhân dân thị trấn H. Giao bị cáo Nguyễn Trọng U cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước đó và tổng hợp hình phạt với bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét thêm.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47, điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu, tiêu hủy gồm: 01 điều cày, 01 cốc vỡ, được mô tả đặc điểm, theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 20/4/2021, tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện H để xử lý theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ chịu án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo T, L, B và U, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 61, 62, 65 và Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã M, Ủy ban nhân dân thị trấn H huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

*Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6; Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận;***

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Cơ quan THHS;
- Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự;;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(đã ký)***

***Nguyễn Văn Nghi***

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*Nguyễn Văn Nghi*

***Nơi nhận;***

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Cơ quan THHS;
- Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Chỉ cục Thi hành án dân sự;;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nguyễn Văn Nghi*